

Bản án số: **12/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 04 - 6 - 2019.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

*giữa chị P và anh Tr.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - Ông **Phan Trung Thành**
  - Bà **Hoàng Thị Mỹ Hằng**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày **04** tháng **6** năm **2019** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị P**, sinh năm: 1995

Địa chỉ cư trú: Xóm 3, thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**\* Bị đơn:** Anh **Trần Minh Tr**, sinh năm: 1995

Địa chỉ cư trú: Xóm 2, thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị P và bị đơn anh Trần Minh Tr trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh Tr tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/02/2015. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị P cho rằng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến nhiều lần cãi vã, anh Tr không chịu làm ăn và có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên đến khoảng tháng 5/2018 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Còn anh Tr thì cho rằng: Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về chuyện làm ăn kinh tế. Khoảng tháng 5/2018 chị P chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh Tr đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Trần

Ngọc Th, sinh ngày 21/6/2015. Hiện nay cháu Th đang ở với chị P. Khi ly hôn, chị P và anh Tr đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th đến đủ tuổi thành niên và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị P và anh Tr đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị P và anh Tr đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa P và anh Tr;

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Trần Ngọc Th, sinh ngày 21/6/2015 cho chị P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến đủ tuổi thành niên; Chị P không yêu cầu nên anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị P và anh Tr tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Chị P và anh Tr đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**\* Về tố tụng:** Chị Lê Thị P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Trần Minh Tr. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**\* Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh Tr tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/02/2015, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh Tr là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị P và anh Tr đều cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 5/2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị P và anh Tr đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng hiện nay đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn. Tại phiên tòa hôm nay, chị P và anh Tr đều yêu cầu được ly hôn. Việc thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị P và anh Tr là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P; công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị P và anh Tr.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị P và anh Tr chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Th, sinh ngày 21/6/2015. Hiện nay cháu Th đang sống với chị P. Khi

ly hôn, chị P và anh Tr đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, chị P cho rằng mình có đầy đủ điều kiện về kinh tế thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất. Anh Tr cũng có nguyện vọng muốn được nhận nuôi con. Tuy nhiên hiện nay cháu Th còn nhỏ đang sống cùng chị P, rất cần được sự tiếp tục chăm sóc của người mẹ. Nên để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của cháu Th. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị P về việc nhận nuôi con chung; giao cháu Th cho chị P tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa hôm nay, chị P không yêu cầu nên anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị P và anh Tr tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Chị P và anh Tr đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

**1/ Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P đối với anh Trần Minh Tr về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Chị Lê Thị P và anh Trần Minh Tr thuận tình ly hôn.

**2/ Về con chung**: Giao 01 con chung là cháu Trần Ngọc Th, sinh ngày 21/6/2015 cho chị Lê Thị P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Trần Minh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3/ Về tài sản chung**: Chị Lê Thị P và anh Trần Minh Tr tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết.

**4/ Về án phí**: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012820 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Lê Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

**5/ Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Đức Trường**